

Số: **95**/QĐ-THPTYH

Hà Nội, ngày **20** tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Cộng khai cam kết chất lượng giáo dục;
Công khai chất lượng giáo dục thực tế của nhà trường
Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT YÊN HÒA

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông (THPT) và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ vào tình hình thực tế về chất lượng giáo dục, về cơ sở vật chất, về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên của Trường THPT Yên Hòa;

Theo đề nghị của đồng chí Kế toán Trường THPT Yên Hòa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục năm học 2025-2026; công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế năm học 2024-2025; công khai thông tin về cơ sở vật chất năm học 2025 -2026; công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên tính đến ngày 20/06/2024 (Kèm theo biểu mẫu 09, biểu mẫu 10, biểu mẫu 11 và biểu mẫu 12).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Lãnh đạo trường THPT Yên Hòa, Đoàn Thanh niên, các tổ chuyên môn, bộ phận tài vụ, các phòng chức năng và toàn thể cán bộ viên chức nhà trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Sở GDĐT (để báo cáo);
- Đ/c Hiệu trưởng;
- Lưu: VT, VP.

HIỆU TRƯỞNG

Lê Hồng Chung

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của trường THPT Yên Hoà
Năm học 2025- 2026

TT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		LỚP 10	LỚP 11	LỚP 12
I	Điều kiện tuyển sinh	- Theo điều kiện quy định về tuyển sinh vào lớp 10 của Sở GD&ĐT Hà Nội: Tuổi của HS vào học lớp 10 là 15 tuổi (có ngày sinh trong khoảng thời gian từ 01/01/2010 đến 31/12/2010) - HS(hoặc cha, mẹ hoặc người giám hộ của HS) có nơi thường trú (NTT) tại Hà Nội, đúng độ tuổi quy định và có đủ hồ sơ hợp lệ. - Có tên trong danh sách trúng tuyển do Sở GD&ĐT Hà Nội phê duyệt.	- Thực hiện theo các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Sở GD&ĐT Hà Nội.	- Thực hiện theo các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Sở GD&ĐT Hà Nội.
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Chương trình giáo dục của nhà trường được xây dựng trên cơ sở chương trình chương trình GDPT 2018 của Bộ GD&ĐT, bám sát nội dung thi tốt nghiệp THPT, xu hướng đổi mới giáo dục nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh và phương án xét tuyển đại học trong và ngoài nước. - Điểm chung: + Tổ chức các lớp liên kết quốc tế nhằm tăng tỷ lệ học sinh đạt chứng chỉ IELTS khi ra trường; + Dạy thêm học thêm cho lớp 12: là các chuyên đề, đảm bảo vừa củng cố, khắc sâu vừa nâng cao kiến thức, rèn tâm lý và kỹ năng làm bài thi tốt nghiệp THPT, được tổ chức ngoài thời khoá biểu chính khoá; + Dạy và học theo chủ đề: được tổ chức học chủ yếu ở ngoài lớp, vào ngày thứ 7, theo hướng trải nghiệm tại nhiều địa điểm (phù hợp với từng bộ môn);		



TT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		LỚP 10	LỚP 11	LỚP 12
		+ Chương trình Tin học bổ trợ: Chương trình Tin học văn phòng MOS (nếu học sinh có nhu cầu), được thi để nhận chứng chỉ Tin học Quốc tế Đặc biệt chứng chỉ Tin học MOS có giá trị toàn cầu và không giới hạn thời gian, là chuẩn đầu ra của các trường Đại học uy tín của Việt Nam (học sinh có chứng chỉ đó không phải học lại trong Đại học), là lợi thế khi học sinh đi du học hoặc đi làm; + Các chuyên đề hoạt động ngoài giờ lên lớp được thực hiện hàng tháng do học sinh tự thể hiện các vấn đề của xã hội theo cách nhìn và quan điểm của các em dưới sự tư vấn, định hướng của các thầy cô chủ nhiệm.		
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh.	- Hằng tháng nhà trường gửi kế hoạch giáo dục tới Ban đại diện CMHS các lớp, từ đó Ban đại diện CMHS thông tin tới CMHS của mỗi lớp. - Nhà trường chủ động phối hợp với gia đình trong việc thông tin về tình hình HS; vận động và tạo điều kiện để CMHS tham gia vào các hoạt động giáo dục của nhà trường nhằm hình thành phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. - Học sinh tích cực, sáng tạo và kết nối trong học tập cũng như trong mọi hoạt động giáo dục trên cơ sở nội quy, quy định của nhà trường.		
IV	Các loại hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục.	- Các câu lạc bộ: Nhà trường có 18 câu lạc bộ của học sinh, hoạt động rất tích cực, điển hình như: Truyền thông, Nhảy, Hát, Thiện nguyện, Bóng đá, Bóng rổ, Tiếng Anh, Nhiếp ảnh, ... học sinh tự nguyện đăng ký trên cơ sở năng lực và sở thích của bản thân; - Ngày hội kết nối: Ngày đón học sinh lớp 10 vào trường; hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp giúp học sinh có thêm nhiều thông tin về nhà trường, tự tin hòa nhập với môi trường mới; - Chương trình giao lưu và trải nghiệm tại các trường Đại học hàng đầu Việt Nam; - Các hoạt động thi đấu thể thao, thi nhảy cổ động, thi văn nghệ... - Chương trình ngoại khóa bồi dưỡng kỹ năng sống: phòng tránh bệnh tan máu bẩm sinh, sức khỏe sinh sản vị thành niên, thoát hiểm, phòng vệ,...		
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- RL: $\geq 98\%$ Khá và Tốt; Chưa đạt 0%. - HT: Tốt-Khá $\geq 95\%$; Chưa đạt 0% - $\geq 80\%$ học sinh hòa nhập và thích nghi với môi trường học tập mới, chủ động tìm hiểu môi trường và phương pháp học cấp THPT nhằm phát huy năng	-RL: $\geq 98\%$ Khá và Tốt; Chưa đạt 0% -HT: Tốt-Khá $\geq 97\%$; Chưa đạt 0% - $\geq 85\%$ học sinh tự tin, tự chủ và tự học, có kỹ năng giao tiếp và hợp tác, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng học các môn học đặc thù nhằm đạt kết quả cao	-HK: $\geq 99\%$ Khá và Tốt; Yếu 0% -HL: Giỏi-Khá $\geq 98\%$; Yếu 0% - $\geq 90\%$ học sinh tự tin, chủ động, tích cực và sáng tạo trong học tập, trong giao tiếp và hợp tác, trong giải quyết vấn đề; đánh giá, phân

TT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		LỚP 10	LỚP 11	LỚP 12
		lực đặc thù (môn học mà học sinh yêu thích), tích cực tham gia các hoạt động ngoại khóa và các câu lạc bộ để phát huy năng lực đặc biệt, rèn kỹ năng và tăng cường sức khỏe. Về hướng nghiệp: học sinh biết: Nghề nghiệp yêu thích Định hướng của gia đình Kết quả khảo sát trắc nghiệm Holland (thuộc nhóm người nào?) Ngành nghề nào phù hợp với nhóm người đó? Trường ĐH, CĐ yêu thích đào tạo những ngành nghề đó? Mô hình lớp đang học có phù hợp với sở thích năng lực học tập, khả năng của bản thân? có phù hợp với nghề mình thích?	trong học tập, khẳng định năng lực đặc biệt (năng khiếu) thông qua các hoạt động ngoại khóa của nhà trường; tích cực tham gia hoạt động của các câu lạc bộ để phát huy năng lực đặc biệt, rèn kỹ năng và tăng cường sức khỏe. Về hướng nghiệp: học sinh biết: Nghề nghiệp yêu thích Định hướng của gia đình Kết quả khảo sát trắc nghiệm Holland (thuộc nhóm người nào?) Ngành nghề nào phù hợp với nhóm người đó? Trường ĐH, CĐ yêu thích đào tạo những ngành nghề đó? Phương án xét tuyển của trường ĐH, CĐ đó có phù hợp với năng lực, sở trường của bản thân? Phương án xét tuyển của trường ĐH, CĐ đó có phù hợp với năng lực, sở trường của bản thân?	tích năng lực đặc thù và năng khiếu của bản thân để chọn nghề, chọn trường phù hợp; đề ra mục tiêu về thời hạn đạt các chứng chỉ quốc tế làm điều kiện xét tuyển vào các trường Đại học; sắp xếp thời gian vừa học vừa tham gia các hoạt động ngoại khóa và các câu lạc bộ để rèn kỹ năng và tăng cường sức khỏe. Về hướng nghiệp: học sinh biết: Nghề nghiệp yêu thích Định hướng của gia đình? Kết quả khảo sát trắc nghiệm Holland (thuộc nhóm người nào?) Ngành nghề nào phù hợp với nhóm người đó? Trường ĐH, CĐ yêu thích đào tạo những ngành nghề đó? Phương án xét tuyển của trường ĐH, CĐ đó có phù hợp với năng lực, sở trường của bản thân? Nhu cầu của xã hội, nhu cầu thị trường với những ngành nghề đó trong tương lai 5-10 năm? Sắp xếp phương án xét tuyển và sắp xếp nguyện vọng xét tuyển phù hợp với

TT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		LỚP 10	LỚP 11	LỚP 12
				nghe yêu thích với trường phù hợp.
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh.	100% học sinh có khả năng tiếp tục học chương trình lớp 11	100% học sinh có khả năng tiếp tục học chương trình lớp 12	Tốt nghiệp $\geq$ tỷ lệ tốt nghiệp của Thành phố, trong đó $\geq 95\%$ HS đỗ ĐH như mong muốn

Người lập biểu

Trần Thị Hoà

Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2025

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, đóng dấu)



Lê Hồng Chung

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của nhà trường

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			Ghi chú
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	
I	Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện Năm học 2024-2025	2035	671	678	686	
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	2009	97.76	99.12	99.27	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	25	2.09	0.88	0.73	
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	1	0.15	0	0	
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
II	Số học sinh chia theo kết quả học tập Năm học 2024-2025	2035	671	678	686	
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1983	95.83	97.64	98.83	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	48	3.73	2.21	1.17	
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	4	0.45	0.15	0	
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
III	Tổng hợp kết quả Năm học 2024-2025					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	2035	671	678	686	
a	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	1168	46.35	55.9	69.58	
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	802	48.44	41.3	28.86	
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
4	Chuyển trường:	50	21	28	1	
	Chuyển đến (tỷ lệ so với tổng số)	43	17	25	1	
	Chuyển đi (tỷ lệ so với tổng số)	7	4	3	0	
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi HSG Năm học 2024-2025	168	60	79	29	
1	Cấp cụm (2024-2025)	129	60	69	0	
2	Cấp tỉnh/thành phố (2024-2025)	39	0	10	29	
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			Ghi chú
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp (Năm học 2023-2024)	Miễn thi: 02 Dự thi: 693				
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp (Năm học 2023-2024)	695				
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	100%				
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ Năm học 2024-2025	817/1218	280/391	263/415	274/412	
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số Năm học 2024-2025	23	9	2	12	

Người lập biểu



Trần Thị Ngọc Bích

Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Lê Hồng Chung

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của nhà trường, năm học 2025-2026

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	24	1.5 m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	24	1.5 m ² /học sinh
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	08	1.5 m ² /học sinh
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	01	1.5 m ² /học sinh
7	Bình quân lớp/phòng học		02/01
8	Bình quân học sinh/lớp		44.39/01
III	Số điểm trường	01	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	14.988	7.34 m ² /học sinh
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	8.000	4.0 m ² /học sinh
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1560	0.76 m ² /học sinh
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	510	0.25 m ² /học sinh
3	Diện tích thư viện (m ²)	372	0.18 m ² /học sinh
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	598	0.29 m ² /học sinh
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội/ phòng truyền thống (m ²)	30/80	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số TBDH tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 10	240	16.00
1.2	Khối lớp 11	245	16.33
1.3	Khối lớp 12	215	14.33
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 10	11	0.73
2.2	Khối lớp 11	05	0.33
2.3	Khối lớp 12	15	1.0
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	0	

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	152	3.38
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	02	0.05
2	Cát xét	02	0.05
3	Đầu Video/đầu đĩa	00	0.0
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	02	0.05
5	Thiết bị khác...	66	1.47

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0		
XIII	Khu nội trú	0		

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	06 (Nam/nữ)		14		0.19
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	Có	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	Có	
XVII	Kết nối internet	Có	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	Có	
XIX	Tường rào xây	Có	

Người lập biểu



Trần Thị Hoà

Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Lê Hồng Chung

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của nhà trường, năm học 2025-2026**
(Số liệu tính đến ngày 20/06/2025)

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	80	1	43	32		2	2	23	51	1	7	68		
I	Giáo viên. Trong đó số giáo viên dạy môn:	71		38	33				23	48		6	65		
1	Toán	12		6	6				4	8		1	11		
2	Lý	7		3	4				2	5		1	6		
3	Hóa	5		4	1				1	4			5		
4	Sinh- KTNN	6		5	1				1	5			6		
5	Công nghệ	2			2				1	1			2		
6	Ngữ văn	9		6	3				4	5			9		
7	Lịch sử	4		2	2				1	3		2	2		
8	Địa lý	4		4						4			4		
9	Tiếng Anh	10		5	5				3	7			10		
10	GD CD	3		2	1				1	2			3		
11	GDQP-AN	2			2				1	1			2		
12	Tin học	4		1	3				2	2		2	2		
13	Thể dục	3			3				2	1			3		
II	Cán bộ quản lý	4	1	3						3	1	1	3		
1	Hiệu trưởng	1	1								1	1			
2	Phó hiệu trưởng	3		3						3			3		
III	Nhân viên	6		1	1		2	2							
1	Nhân viên văn thư														
2	Nhân viên kế toán	1		1											
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	1					1								

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	80	1	43	32		2	2	23	51	1	7	68		
5	Nhân viên thư viện	1					1								
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1		1											
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật														
8	Nhân viên công nghệ thông tin														
9	Bảo vệ	2						2							

Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Lê Hồng Chung

CÔNG KHAI
MỨC THU HỌC PHÍ VÀ CÁC KHOẢN THU KHÁC
Năm học 2025-2026 và dự kiến cho 2 năm tiếp theo

I/Mức thu học phí và thu khác từ người học năm học 2025-2026

1) Mức thu Học phí từ người học: Theo quy định.

2) Mức thu các khoản thu khác từ người học:

- BHYT học sinh: Mức thu theo quy định

+ Học sinh lớp 10 và lớp 11 thu 12 tháng năm 2025

+ Học sinh lớp 12 thu 9 tháng : Từ tháng 01/2025 đến tháng 9/2025

- Bảo hiểm thân thể học sinh: 150.000 đồng/hs/năm (tự nguyện)

- Dịch vụ nước uống học sinh (nếu có): Mức trần là 16.000 đồng/hs/tháng (thu 9 tháng)

II/ Dự kiến thu trong 2 năm học: 202-2026 và 2026-2027: Thu theo đúng văn bản hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội.

Hà nội, ngày 20 tháng 6 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Lê Hồng Chung